TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 80/2019/QĐST-DS	*Trà Ôn, ngày 30 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2019, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 166/2019/TLST-DS, ngày 22 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bùi Thị H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long

- Bị đơn: 1. Phan Văn S, sinh nănm 1952.

2. Nguyễn Thị H, sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Phan Văn S và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Bùi Thị H số tiền vốn hụi là 43.180.000 đồng *(Bốn mươi ba triệu một trăm tám mươi nghìn đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ra Quyết định này cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Bùi Thị H có nghĩa vụ nộp 540.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.161.500 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu số 0015209 ngày 11/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, còn lại 621.500 đồng *(Sáu trăm hai mươi mốt nghìn năm trăm đồng)* hoàn trả lại cho chị H.

Buộc ông Phan Văn S và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới nộp 540.000 đồng, nhưng do ông S thuộc diện người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên miễn cho ông S phần án phí mà mình phải nộp là 270.000 đồng, còn lại 270.000 đồng *(Hai trăm bảy mươi nghìn đồng)* buộc bà H nộp tiếp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Hoàng Phú